

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ TP HỒ CHÍ MINH

NĂM 2012

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300399360
- Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 247.225.230.000 đồng
- Địa chỉ: 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 08 38294623
- Số fax: 08 38290403
- Website: www.metalhcm.com.vn
- Mã cổ phiếu: HMC

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Kim khí TP Hồ Chí Minh tiền thân là Tổ chức quản lý Cung ứng Vật tư Kỹ thuật miền Nam được thành lập theo Quyết định 775/VT-QĐ ngày 07/11/1975 của Bộ Vật tư.

Ngày 30/12/1975 Tổng Cục trưởng Tổng Cục kỹ thuật Vật tư miền Nam đã ra quyết định số 517VT-QĐ về việc tách Công ty kim khí – Thiết bị Phụ tùng thành hai công ty: Công ty Kim khí miền Nam và Công ty Thiết bị miền Nam.

Ngày 04/11/1976, theo Quyết định số 827/VT-QĐ Công ty Kim khí miền Nam được đổi tên thành Công ty kim khí Khu vực II.

Ngày 01/01/1986, Công ty Kim khí Khu vực II được đổi tên thành Công ty Kim khí TP HCM theo quyết định số 746/VT-QĐ.

Ngày 28/05/1993 theo Quyết định số 595TM/TCCB của Bộ Thương mại thì Công ty Kim khí TP Hồ Chí Minh là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Kim khí – Bộ Thương mại.

Ngày 12/11/2003 Bộ Công nghiệp ra quyết định số 183/2003/QĐ-BCN về việc sáp nhập Công ty Kinh doanh Thép và Thiết bị Công nghiệp vào Công ty Kim khí TP HCM và vẫn giữ nguyên tên giao dịch là Công ty Kim khí TP Hồ Chí Minh trực thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam.

Ngày 07/09/2005, Công ty đã nhận được quyết định số 2841/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Kim khí TP Hồ Chí Minh thành Công ty cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh với vốn đăng ký kinh doanh là 158.000.000.000 đồng.

Ngày 21/12/2006 Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, số cổ phiếu niêm yết là 15.800.000 cổ phiếu. Mã chứng khoán là: HMC

Ngày 16/5/2008, Công ty niêm yết bổ sung 5.200.000 cổ phiếu từ đợt phát hành thêm 5,2 triệu cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Vốn điều lệ Công ty sau khi niêm yết là 210 tỷ đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1 Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh kim khí (kim loại đen, kim loại màu); vật tư thứ liệu; phế liệu; sản phẩm kim loại và các loại vật tư khác. Sản phẩm kinh doanh chính của Công ty trong những năm vừa qua chủ yếu là mặt hàng thép như: thép tấm, lá chính phẩm; thép tấm, lá sai quy cách, thép hình, thép xây dựng, phế liệu.

Sản xuất, gia công, chế biến các sản phẩm kim khí và tổ chức các hoạt động dịch vụ phục vụ kinh doanh

Dịch vụ: cho thuê kho bãi, cho thuê văn phòng

Xuất nhập khẩu các mặt hàng: kim khí; vật tư thứ liệu; phế liệu; sản phẩm kim loại.

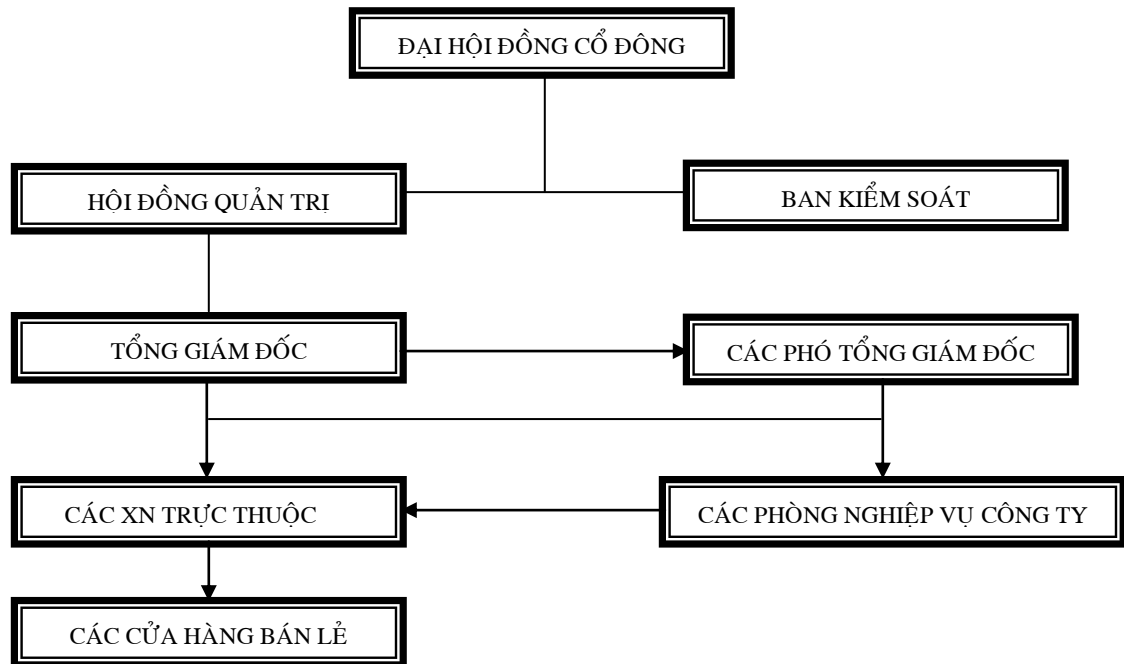
3.2 Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh của Công ty chủ yếu ở TP Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam và thị trường xuất khẩu chủ yếu là các nước Châu Á như Hồng Kong, Myanmar, Singapore...

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty được tổ chức hoạt động dưới hình thức mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý Công ty cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh



- Công ty không có công ty con và/hoặc công ty liên kết.

5. Định hướng phát triển:

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

* Các mục tiêu trong năm 2013 trình Đại hội cổ đông thông qua:

- Doanh thu : 5.000 tỷ đồng (116%/2012)

- Lợi nhuận trước thuế: : 32 tỷ đồng (103%/2012)

- Cổ tức : 10% (100%/2012)

* Kế hoạch đầu tư năm 2013:

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để liên kết đầu tư dự án nhà chung cư tại Phú Thuận, Quận 7 và khai thác khu đất Long Thới, Nhà Bè;

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để liên kết đầu tư dự án nhà liên kế đối với khu đất Thảo Điền, Quận 2;

- Đầu tư một dây chuyền cán cuộn bẹp với công nghệ trong nước để hoàn chỉnh xưởng gia công tại Thủ Đức với giá trị ước khoảng 1,5 tỷ đồng.

- Tập trung tháo gỡ những vướng mắc với nhà thầu, quyết toán xong công trình cao ốc văn phòng 193 Đinh Tiên Hoàng trong quý 1/2013;

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Ổn định và mở rộng thị phần kinh doanh các mặt hàng truyền thống; thép tấm lá cán nóng, cán nguội chính phẩm, thứ phẩm và thép xây dựng.

- Quyết tâm đạt mức doanh thu và lợi nhuận cao, với mức tăng trưởng hàng năm vào khoảng từ 10-20% và vẫn phải duy trì các ngành hàng chính của Công ty.

- Từng bước chuyên nghiệp hóa việc kinh doanh khai thác hai tòa cao ốc văn phòng tại 193 Đinh Tiên Hoàng và 189 Nguyễn Thị Minh Khai đã được đưa vào sử dụng trong năm 2010 và 2011, tiếp tục thực hiện việc khai thác một cách có hiệu quả các mặt bằng kho bãi của Công ty.

- Tiếp tục khai thác lợi thế về đất đai sẵn có thông qua việc liên doanh liên kết với các đơn vị có năng lực để khai thác có hiệu quả khu đất Long Thới, Nhà Bè; triển khai đầu tư dự án nhà liên kế tại số 5 Quốc Hương, Thảo Điền, Quận 2 và dự án chung cư tại Phú Thuận, Quận 7; nâng cấp và hoàn thiện hệ thống máy móc, nhà xưởng phục vụ cho nhu cầu đa dạng của các khách hàng.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đảm bảo thực hiện đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, đem lại lợi ích thiết thực cho công ty và cộng đồng.

6. Các rủi ro:

6.1 Rủi ro về kinh tế.

Các sản phẩm thép của HCM chủ yếu phục vụ cho nhu cầu của ngành xây dựng, gia công cơ khí,... Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế cũng như tốc độ xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công cộng,... có ảnh hưởng trực tiếp đến việc tiêu thụ các sản phẩm thép của HMC. Đối với những nước đang phát triển thì yêu cầu về xây dựng cơ sở hạ tầng luôn được đặt lên hàng đầu, đẩy nhanh tiến trình đô thị hoá cũng là vấn đề luôn được Chính phủ quan tâm. Nếu nền kinh tế lâm vào tình trạng khủng hoảng, tốc độ xây dựng sẽ giảm hẳn và điều này sẽ làm cho ngành sản xuất thép bị sụt giảm nghiêm trọng.

6.2 Rủi ro nguồn nguyên vật liệu.

Là một doanh nghiệp với hoạt động chủ yếu là kinh doanh thép cho nên biến động về nguồn nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, tình hình những năm gần đây và dự báo những năm tới cho thấy lượng cung thép vượt lượng cầu cả trong nước và trên thế giới. Do đó có thể thấy nguồn cung cấp các sản phẩm thép cho Công ty là khá ổn định. Hơn nữa, việc Việt Nam gia nhập WTO đã giúp Công ty sẽ có thêm rất nhiều sự lựa chọn nguồn cung cấp mới với giá rẻ hơn từ các nước thành viên. Như vậy, những biến động về nguồn nguyên vật liệu sẽ không ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong tương lai.

6.3 Rủi ro tỷ giá hối đoái.

Các sản phẩm thép của Công ty được nhập khẩu từ nước ngoài, luôn chịu ảnh hưởng sự biến động của giá cả thép trên thế giới. Do đó, Công ty có thể bị ảnh hưởng bởi các biến động về tỷ giá, điều này đòi hỏi HMC phải có sự linh hoạt trong lựa chọn thời điểm nhập và tồn trữ hàng hóa hợp lý để có thể giảm thiểu ảnh hưởng của việc biến động tỷ giá.

6.4 Rủi ro về Tài chính.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, HMC luôn thực hiện chính sách tín dụng bán hàng trả chậm đối với các nhóm khách hàng. Chính vì vậy tín dụng bán hàng luôn tạo rủi ro cho HMC khi các đối tác mất khả năng trả nợ, điều này ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình tài chính của bên cấp tín dụng. Công ty thực hiện cấp tín dụng cho các đối tác trên cơ sở lập hồ sơ về năng lực của đối tác, căn cứ vào các yếu tố khảo sát về năng lực tài chính, khả năng tiêu thụ, uy tín để định hạn mức nên hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại phát sinh trong quá trình thực hiện.

6.5 Rủi ro về pháp luật và chính sách.

Cũng như những doanh nghiệp khác, sự thay đổi về mặt chính sách và pháp luật (nếu có) sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

6.6 Rủi ro khác.

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn.v.v. là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng sản lượng tiêu thụ: 428.738 tấn, giảm 30% so với năm 2011
- Tổng doanh thu thuần: 4.310.812.191.940 đồng, đạt 86% kế hoạch năm, so với năm 2011 giảm 32%. Trong đó doanh thu từ cung cấp dịch vụ là 44,4 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 31.546.072.651 đồng, đạt 57% kế hoạch năm, so với năm 2011 giảm 69% (so hiệu quả kinh doanh chính giảm 40% so với năm 2011)
- Lợi nhuận sau thuế: 27.192.340.597 đồng, giảm 67% so với năm 2011.
- Nộp ngân sách: 352 tỷ đồng, giảm 45,6% so với năm 2011.
- Giá trị sổ sách của 01 cổ phiếu HMC tại thời điểm 31/12/2012 xấp xỉ 16.256 đồng/cổ phiếu.

Đánh giá các nguyên nhân cơ bản công ty không đạt các chỉ tiêu kế hoạch:

→ Năm 2012 Công ty CP Kim khí TP HCM thực hiện nhiệm vụ kế hoạch trong tình hình kinh tế toàn cầu bất ổn, khủng hoảng nợ công Châu Âu kéo dài, thị trường thép thế giới u ám suốt từ đầu năm 2012. Giá thép đồng loạt giảm trên các thị trường toàn cầu, trong đó giảm mạnh nhất tại Châu Á. Ngành thép Trung Quốc đang trong tình trạng dư thừa, đang ồ ạt bán xuất khẩu thép phá giá trên thị trường quốc tế.

Tình hình thép trong nước cũng vô cùng ảm đạm. Thị trường nhà đất ế ẩm và các dự án bị đình đốn khiến sức tiêu thụ thép chậm chạp. Cung sản phẩm thép cao hơn cầu tiêu thụ. Do lượng thép trong nước tồn kho cao và giá mua sau rẻ hơn nhiều so với giá đang tồn kho nên các doanh nghiệp kinh doanh thép cạnh tranh nhau bán ra để giải phóng hàng tồn kho và quay vòng vốn mua vào cho chu kỳ sau có giá rẻ hơn.

→ Trong quý 1/2012 lãi suất cho vay đối với tiền VND tại các ngân hàng luôn ở mức cao, lãi suất cho vay ngoại tệ thấp nhưng các ngân hàng rất hạn chế cho vay ngoại tệ. Để tiết kiệm chi phí tài chính, công ty đã thực hiện việc mua hàng nhập khẩu nợ nước ngoài.

- Từ ngày 13/3/2012, Ngân hàng Nhà Nước đã hạ trần lãi suất huy động từ 14%/năm xuống còn 9%/năm. Lãi suất tiền vay từ tháng 4/2012 đến cuối năm đã giảm dần, so với cuối năm 2011 mặt bằng lãi suất đã giảm 9-10% nhưng do tình hình tiêu thụ thép giảm mạnh so với năm trước, tồn kho cao dẫn đến chi phí tài chính vẫn là gánh nặng khá lớn cho công ty.

Chi phí lãi vay năm 2012 là: 47 tỷ đồng (đã loại trừ các khoản doanh thu tài chính 24,7 tỷ đồng) chiếm tỷ lệ 1%/doanh thu (chi phí này năm 2011 là 39 tỷ đồng, chiếm 0,6 %/doanh thu).

→ Ba là, vào thời điểm cuối năm tài chính, Công ty đã tiến hành trích lập các khoản dự phòng như dự phòng giảm giá hàng tồn kho 17,7 tỷ đồng; dự phòng phải thu khó đòi 3,5 tỷ đồng; trích thêm dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (khoản đầu tư Công ty Thép Nhà Bè) là 2,4 tỷ đồng; trích thêm dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (khoản đầu tư vào Công ty CP Thép Tâm lá Thống Nhất) là 10,1 tỷ đồng.

Các khoản dự phòng này làm chi phí dự phòng năm 2012 tăng cao (tăng 33,7 tỷ đồng), làm giảm một khoản đáng kể vào lợi nhuận của Công ty.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Danh sách Ban điều hành:

Ông NGUYỄN MINH XUÂN - Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam - Ngày sinh : 06/04/1958
- Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: 74 Vũ Huy Tấn, P.3, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh.
Cử nhân kinh tế ngành kế hoạch hoá.
Cử nhân kinh tế ngoại thương
- Quá trình công tác:
 - Từ 1981 đến 1985 : Công tác tại LH cung ứng vật tư khu vực V (Miền Trung).
 - Từ 1985 đến 1990 : Công tác tại Công ty vật tư thứ liệu Đà Nẵng.
 - Từ 1990 đến 1994 : Phó Giám đốc & Giám đốc Công ty vật tư thứ liệu Đà Nẵng
 - Từ 1995 đến 1996 : Phó Giám đốc Công ty kim khí & vật tư tổng hợp Miền Trung
 - Từ 1997 đến 2003 : Giám đốc Công ty vật tư thiết bị Công nghiệp, năm 1999 đổi tên thành Công ty kinh doanh thép & TB công nghiệp.
 - Từ 2004 đến 2005 : Giám đốc Công ty Kim Khí TP.HCM
 - Từ 2006 đến 03/2012 : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Kim Khí TP.HCM
 - Từ 24/3/2012 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Kim Khí TP.HCM

Ông MAI VĂN BÔNG - Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam - Ngày sinh : 06/04/1952
- Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: 23 Đường số 8, Phường 8, Quận 11, TP.HCM.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 1980 đến 1989 : Phó Trưởng Phòng Kế hoạch cung ứng – Công ty Kim Khí Đà Nẵng
 - Từ 1989 đến 1998 : Phó Giám đốc & Giám đốc XN – Công ty Kim khí & VTHH Miền Trung
 - Từ 1998 đến 1999 : Phó Giám đốc, Giám đốc XNKDCKK Số 1 – Công ty Kim khí TP.HCM
 - Từ 1999 đến 2005: Phó Giám đốc Công ty Kim Khí TP.HCM
 - Từ 2006 đến 03/2012: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Kim Khí TP.HCM
 - Từ 24/3/2012 đến 30/6/2012: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Kim Khí TP.HCM

Bà PHẠM THỊ LIÊN - Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 01/06/1959
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: 18 M Khu dân cư Miếu Nổi, P.3, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 1981 đến 1990 : Phó Phòng Kế toán – Công ty Hóa chất Hà Nội.
 - Từ 1990 đến 2003 : Kế toán trưởng Công ty Kinh doanh thép & TB Công nghiệp.
 - Từ 2004 đến 2005 : Kế toán trưởng Công ty Kim khí TP.HCM
 - Từ 01/2006 đến 03/2007: Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Cty CP Kim Khí TPHCM
 - Từ 04/2007 đến 03/2012: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Kim khí TPHCM
 - Từ 24/3/2012 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Kim Khí TP.HCM

Ông TRƯƠNG BÁ LIÊM - Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 01/01/1963
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: 14E Quốc Hương, P.Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ngành Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư chế tạo máy
- Quá trình công tác:
 - Từ 1987 đến 1997 : Cán bộ kỹ thuật, Cửa hàng phó, Cửa hàng trưởng, Phó Giám đốc Xí nghiệp thuộc Công ty Kim Khí Đà Nẵng
 - Từ 1998 đến 1999 : Giám sát kinh doanh KV Miền Trung Cty Mercedes Benz
 - Từ 2001 đến 2003 : Phó Phòng KD – XNK Công ty KD thép & TB Công nghiệp.
 - Từ 2003 đến 2005 : Phó Giám đốc Cty KD thép & TBCN, Cty Kim Khí TP.HCM
 - Từ 01/2006 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Kim Khí Thành Phố HCM.

Bà VÕ THỊ LỆ CHÂU - Kế toán trưởng :

- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 01/01/1964
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: 14 Quốc Hương, P.Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán
- Quá trình công tác:
 - Từ 1989 đến 02/2000 : Công tác tại công ty Vật tư Thử liệu, Công ty KD Thép và TBCN.
 - Từ 03/2000 đến 12/2003 : Phó Phòng Tài chính kế toán Công ty KD Thép và TBCN.
 - Từ 01/2004 đến 03/2007 : Phó Phòng Tài chính kế toán Công ty Kim khí TP HCM
 - Từ 04/2007 đến T6/2008: Trưởng Phòng Tài chính kế toán Cty CP Kim khí TP HCM
 - Từ T7/2008 đến nay : Kế toán trưởng Công ty CP Kim khí TP HCM

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:

Ông Mai Văn Bông – Phó Tổng Giám đốc nghỉ hưu từ ngày 01/7/2012

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Tổng số lao động bình quân trong năm 2012 là 195 người.

Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2012 là 7.200.000 đồng/người/tháng.

* Chính sách với người lao động:

- Chế độ lương: Công ty thực hiện việc trả lương theo 2 hình thức đó là: trả lương theo thời gian hoặc lương khoán theo hiệu quả kinh doanh. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho CBCNV hàng năm và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống CBCNV.

- Chế độ thưởng: Công ty có chính sách khen thưởng cho cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc vào cuối năm. Thực hiện khen thưởng xứng đáng, kịp thời để khuyến khích động viên và phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến trong công việc, nâng cao hiệu quả trong công việc, tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh.

- Lao động trong Công ty được tuyển dụng thông qua hợp đồng lao động theo qui định của pháp luật và luôn được Công ty bảo đảm về việc làm và đời sống được ổn định, đảm bảo đầy đủ về chế độ chính sách theo qui định hiện hành: thực hiện bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, đảm bảo thời gian nghỉ phép, lễ, Tết...

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

3.1 Các dự án đầu tư xây dựng chưa thực hiện so với kế hoạch:

- Trong năm 2012 Công ty thực hiện các dự án chuyển tiếp từ năm 2011 chuyển sang. Việc thực hiện các dự án mới chưa đạt được theo kế hoạch đề ra. Khủng hoảng kinh tế thế giới cũng như trong nước đã ảnh hưởng rất lớn đến việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư. Mặt khác trong năm 2012 tình hình sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn nên việc đầu tư cần phải xem xét kỹ trước khi triển khai nhằm đảm bảo đem lại hiệu quả, do đó dự án Mở rộng xưởng gia công thép tại Vĩnh Lộc - giai đoạn 2 và xây dựng nhà liên kế tại khu đất Tháo Điền, Quận 2 Công ty chưa thể triển khai thực hiện.

- Trong năm 2012 Công ty cũng chưa tìm được các đối tác để hợp tác đầu tư khai thác khu đất Long Thới, Nhà Bè và Phú Thuận, Quận 2 do tình hình khó khăn chung của nền kinh tế.

3.2 Các dự án đầu tư xây dựng đã thực hiện:

- Dự án dây chuyền máy cán cắt, là phẳng thép tấm cuộn dày 8-25mm: đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng vào tháng 01/2013, giá trị thực hiện 5,87 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư cầu trục dầm đôi 7,5T tại Linh Trung – Thủ Đức đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng vào tháng 8/2012, giá trị thực hiện 1,178 tỷ đồng

3.3 Các khoản đầu tư tài chính:

Năm 2008, Công ty mua 1.000.000 cổ phiếu của Công ty CP Thép Nhà Bè, tổng số tiền đầu tư là 23 tỷ đồng. Trong năm 2012, Công ty đã thu cổ tức tỷ lệ 4% bằng tiền. Cuối năm 2011, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá thép Nhà Bè số tiền 16,215 tỷ đồng. Vào thời điểm 31/12/2012, Công ty đã trích lập thêm 2,4 tỷ đồng trên cơ sở giá giao dịch bình quân của Thép Nhà Bè tại Sàn giao dịch Upcom.

Năm 2008 và 2009, Công ty đã góp vốn đầu tư với tư cách là cổ đông sáng lập vào Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất, tổng số tiền 14 tỷ đồng. Năm 2010 dàn máy cán nguội của Công ty Tấm lá Thống Nhất đã đi vào hoạt động. Tuy nhiên, căn cứ vào báo cáo tài chính của Công ty Tấm lá Thống Nhất ngày 30/6/2012, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đối với Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất, số tiền 12,589 tỷ đồng, trong đó có 2,499 tỷ đồng đã trích vào cuối năm 2011.

Năm 2009 Công ty mua 100.000 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, tổng số tiền đầu tư là 2.025.700.000 đồng. Công ty đã nhận cổ tức cho giai đoạn từ tháng 7-12/2009 với tỷ lệ 6,83%. Năm 2010, Công ty đã mua 28.000 cổ phiếu phát hành thêm của ngân hàng này với giá 10.000 đồng. Năm 2012, Công ty đã nhận cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 20% bằng cổ phiếu và nhận cổ phiếu thưởng tỷ lệ 9,6%. Tổng số cổ phiếu Vietinbank hiện có là 209.687 cổ phiếu. Giá đóng cửa của Vietinbank tại ngày 28/12/2012 là 20.700 đồng/cổ phiếu.

3.4 Tình hình kinh doanh bất động sản đầu tư:

- Cao ốc 193 Đinh Tiên Hoàng: Diện tích đã đưa vào sử dụng 3.811m²/5.407m² với tỷ lệ 70,5%, trong đó diện tích Công ty sử dụng là 407m² và diện tích cho thuê là 3.404 m². Doanh thu năm 2012: 18,5 tỷ đồng (Chưa kể doanh thu cho phần diện tích Công ty sử dụng).

- Cao ốc 189 Nguyễn Thị Minh Khai: Công ty cho thuê toàn bộ tòa nhà vào năm 2010, doanh thu cho thuê năm 2012 là 18,291 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính:

4.1 Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	2011	2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.198.750.918.867	1.038.310.002.024	-13,4%
Doanh thu thuần	6.333.163.131.742	4.310.812.191.940	-32%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	104.273.943.452	29.641.265.910	-77%
Lợi nhuận khác	(1.634.263.582)	1.904.806.741	100%
Lợi nhuận trước thuế	102.639.679.870	31.546.072.651	-69%
Lợi nhuận sau thuế (*)	82.048.058.256	27.192.340.597	-67%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	22%	10%	-54,5%

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	lần		
- Khả năng thanh toán ngắn hạn		1,12	1,16
- Khả năng thanh toán nhanh		0,56	0,58
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	%		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản		71%	67%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu		248%	204%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	lần		
- Vòng quay hàng tồn kho		14,99	9,98
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản		5,28	4,15
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	%		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		1,3%	0,6%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		24%	8%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		1,6%	0,7%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần thường:	21.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần thường đang lưu hành:	21.000.000 cổ phần
- Công ty không có cổ phiếu ưu đãi	
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	21.000.000 cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông (theo danh sách cổ đông chốt ngày 06/3/2013)

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1. Cổ đông Nhà nước	11.690.570	55,67%
2. Cổ đông lớn (ngoài Nhà nước)	-	0%
3. Cổ đông nhỏ	9.309.430	44,33%
a. Cổ đông trong nước	9.067.740	43,18
- Tổ chức	555.674	2,65%
- Cá nhân	8.512.066	40,53%
b. Cổ đông nước ngoài	241.690	1,15%
- Tổ chức	179.340	0,85%
- Cá nhân	62.350	0,3%

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:

Tổng quan kết quả hoạt động kinh doanh và nguyên nhân không đạt các chỉ tiêu kế hoạch đã được trình bày tại khoản 1 mục II trong Báo cáo của Hội đồng quản trị.

Kinh doanh trong điều kiện hết sức khó khăn, Ban lãnh đạo Công ty đã cố gắng bám sát thị trường trong nước và thế giới để chỉ đạo kinh doanh nhằm hạn chế tối đa những thiệt hại và khai thác tốt nhất lợi thế để tìm kiếm lợi nhuận cho đơn vị.

Sản lượng tiêu thụ của từng nhóm hàng qua các năm:

Nhóm hàng	Năm 2011		Năm 2012	
	Sản lượng (kg)	Tỷ trọng (%)	Sản lượng (kg)	Tỷ trọng (%)
Thép chính phẩm	42.235.204	6,78	24.475.450	5,71
Thép xây dựng	45.279.808	7,27	45.221.007	10,55
Vật tư thứ liệu & phế liệu NK	52.143.067	8,38	49.933.676	11,65
Phế liệu	482.994.766	77,57	309.086.271	72,09
Tổng	622.652.845	100	428.716.404	100

Doanh thu phân theo mặt hàng kinh doanh

Nhóm hàng	Năm 2011		Năm 2012	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Thép chính phẩm	638.410.692.662	10,14	328.230.826.890	7,69
Thép xây dựng	702.652.025.439	11,17	650.541.594.538	15,25
Vật tư thứ liệu & phế liệu NK	707.240.065.181	11,24	635.887.131.123	14,90
Phế liệu	4.243.954.989.160	67,45	2.652.501.102.830	62,16
Tổng	6.292.257.772.442	100	4.267.160.655.381	100

Lợi nhuận gộp phân theo mặt hàng kinh doanh

Nhóm hàng	Năm 2011		Năm 2012	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Thép chính phẩm	43.968.926.487	30,2	22.649.377.987	21,4
Thép xây dựng	23.956.480.562	16,6	13.657.832.216	13,0
Vật tư thứ liệu & phế liệu NK	52.180.125.015	35,9	52.469.322.225	49,7
Phế liệu	25.184.831.638	17,3	16.826.480.807	15,9
Tổng	145.290.363.702	100	105.603.013.235	100

Riêng mặt hàng phế liệu, doanh thu chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ tổng doanh thu của Công ty. Tuy nhiên, đặc thù kinh doanh mặt hàng phế liệu là Công ty tổ chức thu gom phế liệu từ người dân và cung cấp ngay cho các nhà máy sản xuất, không phải đầu tư chi phí và thời gian sử dụng vốn ngắn (2- 6 ngày). Chính vì vậy, mặc dù doanh thu lớn nhưng lãi gộp thấp hơn nhiều so với các mặt hàng khác. Đặc thù kinh doanh của mặt hàng này cũng không tạo rủi ro cho doanh nghiệp.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Đối với thép sản xuất trong nước: Những năm gần đây, Công ty đã quan tâm hơn đến mặt hàng thép xây dựng sản xuất trong nước, chỉ đạo tập trung lấy hàng tại các nhà máy sản xuất đưa về kho và triển khai bán mạnh khi thị trường thuận lợi. Lượng tiêu thụ thép xây dựng tăng đều qua các năm gần đây. Trong tình hình hết sức khó khăn như năm 2012, lượng tiêu thụ thép xây dựng vẫn không sụt giảm so với năm 2011, tăng 155% so với thời điểm năm 2006. Lợi nhuận gộp từ chỗ chỉ chiếm tỷ trọng 6-7% trong tổng lợi nhuận gộp các ngành hàng trong những năm 2006-2007, năm 2012 lợi nhuận gộp thu được từ mảng kinh doanh thép xây dựng đã chiếm tỷ trọng lớn hơn, đạt 13% trong tổng lợi nhuận gộp của các ngành hàng.

- Đối với hàng nhập khẩu: Chủ trương đẩy mạnh bán hàng, không găm giữ hàng, bám sát thị trường, điều chỉnh giá kịp thời, linh hoạt, quan tâm đến các mặt hàng có độ dày và những quy cách hiếm để giữ giá và nâng giá, tăng hiệu quả kinh doanh; động viên cán bộ bán hàng tích cực bán hàng. Riêng mặt hàng vật tư thứ liệu và phế liệu nhập khẩu, trong năm 2012 Công ty đã cố gắng đẩy mạnh với giá bán tốt, kết quả doanh thu mặt hàng này tăng so với năm 2011.

- Về hoạt động marketing, hiện nay mạng lưới phân phối của Công ty bao gồm văn phòng Công ty và 07 Xí nghiệp rải đều khắp khu vực TP Hồ Chí Minh. Đội ngũ bán hàng của Công ty được sàng lọc và là đội ngũ kinh doanh có nhiều năm kinh nghiệm mặt hàng thép chính và thứ phẩm. Đội ngũ kinh doanh vừa có kinh nghiệm bán hàng, quan hệ khách hàng và khả năng tự tổ chức tiêu thụ từ khâu tiếp thị chào hàng đến giao nhận, vận chuyển và thu hồi công nợ.

2. Tình hình tài chính:

2.1 Tình hình tài sản:

- Tổng giá trị tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2012: 1.038.310.002.024 đồng, giảm 13% so với thời điểm 31/12/2011, do các khoản mục đều giảm so với năm 2011, trong đó khoản mục “Các khoản phải thu ngắn hạn” và “Hàng tồn kho” giảm đáng kể so với năm 2011.

- Tỷ lệ Tài sản ngắn hạn trong tổng tài sản là 72,6%, trong khi tài sản dài hạn chiếm 27,4%. So tương quan với các khoản nợ phải trả và nguồn vốn dài hạn, cho thấy công ty có khả năng tài trợ cho tài sản cố định và đảm bảo được cân bằng tài chính. Tuy nhiên, giá trị tài sản cố định giảm so với năm 2011 cho thấy công ty đầu tư ít trong năm 2012. Điều này xuất phát từ việc nền kinh tế đang khó khăn và việc đầu tư cần thận trọng, cân nhắc kỹ để tránh việc thu hồi vốn chậm và không hiệu quả.

- Hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty trong năm 2012 ROA = 3.03%

- Nợ phải thu ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2012 là 342.410.036.921 đồng, giảm 13% giá trị so với cuối năm 2011. Công ty tồn tại một số khoản nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2012, tổng số tiền 9.270.441.773 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi, số tiền 3.513.248.804 đồng.

2.2 Tình hình nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả cuối năm 2012 giảm đáng kể so với cuối năm 2011, trong đó chủ yếu các khoản nợ vay ngắn hạn ngân hàng giảm 14%, vay dài hạn giảm 25%, phải trả nhà cung cấp giảm 26%.

Công ty vay chủ yếu phục vụ hoạt động kinh doanh, một phần đầu tư vào hai dự án cao ốc 189 Nguyễn Thị Minh Khai và 193 Đinh Tiên Hoàng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công ty đã mạnh dạn trẻ hóa đội ngũ quản lý nhằm tạo sự năng động, linh hoạt trong công tác kinh doanh và quản lý. Trong năm 2012, Công ty bổ nhiệm hai Phó Giám đốc Xí nghiệp và một Phó Phòng Kế hoạch Kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Ổn định và mở rộng thị phần kinh doanh các mặt hàng truyền thống; thép tấm lá cán nóng, cán nguội chính phẩm, thứ phẩm và thép xây dựng. Đối với mặt hàng có ưu thế là thép sai quy cách, tiếp tục phát huy thế mạnh và mở rộng sang các thị trường tiềm năng ở miền Trung và miền Bắc. Đối với mảng thép xây dựng, tiếp tục phát huy đà tăng trưởng những năm gần đây và mở rộng thị phần bằng việc tập trung vào các công trình lớn với các chính sách cạnh tranh cho khách hàng và xây dựng mạng lưới bán lẻ để gia tăng lượng bán và hiệu quả kinh doanh.

- Từng bước chuyên nghiệp hóa việc kinh doanh khai thác hai tòa cao ốc văn phòng tại 193 Đinh Tiên Hoàng và 189 Nguyễn Thị Minh Khai đã được đưa vào sử dụng trong năm 2010 và 2011, tiếp tục thực hiện việc khai thác một cách có hiệu quả các mặt bằng kho bãi của Công ty.

- Tiếp tục khai thác lợi thế về đất đai sẵn có thông qua việc liên doanh liên kết với các đơn vị có năng lực để khai thác có hiệu quả khu đất Long Thới, Nhà Bè; triển khai đầu tư dự án nhà liên kế tại số 5 Quốc Hương, Thảo Điền, Quận 2 và dự án chung cư tại Phú Thuận, Quận 7

- Tập trung vào việc nâng cấp và hoàn thiện hệ thống máy móc, nhà xưởng để có thể đưa ra các sản phẩm đa dạng, phục vụ cho nhu cầu của các khách hàng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty và hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

Mặc dù năm 2012 là một năm hết sức khó khăn nhưng Ban lãnh đạo công ty và toàn thể người lao động đã hết sức cố gắng để đạt được kết quả tốt nhất có thể.

Ban Tổng Giám đốc công ty đã hoạt động tích cực, năng động, sáng tạo, linh hoạt để đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp. Quá trình thực hiện đã tuân thủ các quy định quản trị của công ty. Những vấn đề cần ý kiến của Hội đồng quản trị được trình cụ thể cho Hội đồng quản trị xem xét và cho ý kiến.

Công tác quản lý được triển khai nghiêm túc, chặt chẽ. Công ty thực hiện theo đúng các quy chế hoạt động và quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Khủng hoảng kinh tế theo nhiều dự báo còn kéo dài đến hết năm 2013. Tình hình sản xuất kinh doanh ngành thép dự kiến vẫn còn rất khó khăn, cạnh tranh trong ngành thép ngày càng khốc liệt hơn do sản lượng thép dư thừa nhiều so với nhu cầu.

Các yếu tố vĩ mô trong nước vẫn bất ổn. Tỷ lệ lạm phát cao; tỷ giá ngoại tệ tăng, giá nguyên nhiên liệu đầu vào tăng mạnh là những khó khăn doanh nghiệp phải đối mặt trong năm 2013. Gánh nặng chi phí lãi vay vẫn là một khó khăn lớn nếu các doanh nghiệp không giải phóng được hàng tồn kho.

Khó khăn của nhiều doanh nghiệp sẽ ảnh hưởng đến các doanh nghiệp khác cùng ngành trong quan hệ mua bán như tình hình thanh toán chậm hoặc mất khả năng chi trả...

Bắt đầu từ năm 2013 Công ty không còn được hưởng chính sách ưu đãi giảm 50% thuế Thu nhập doanh nghiệp do thời hạn hưởng chính sách đã hết.

Trước tình hình này, Hội đồng quản trị công ty có kế hoạch thực hiện các công việc sau:

- Tích cực chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành linh hoạt và năng động trong kinh doanh và đầu tư, thích ứng kịp thời với những thay đổi của thị trường và nền kinh tế, đồng thời giám sát chặt chẽ nhằm hạn chế tối đa những rủi ro, tiết kiệm chi phí nhằm đem lại hiệu quả cao nhất và thực hiện được các kế hoạch năm 2013 cũng như các năm sau.

- Chỉ đạo tập trung đẩy mạnh bán hàng từ công ty đến các XN trực thuộc, đặc biệt quan tâm mảng thép xây dựng. Tổ chức tốt công tác dự báo thị trường. Đẩy mạnh xuất khẩu để tăng hiệu quả kinh doanh và tạo thêm nguồn ngoại tệ hỗ trợ cho nhập khẩu.

- Tiết kiệm chi phí trên phạm vi toàn công ty.

- Đề xuất với các ngân hàng áp dụng mức lãi suất ưu đãi để ổn định nguồn vốn vay với lãi suất thấp nhất.

- Tổ chức tốt công tác quản trị chi phí và công nợ toàn công ty. Tích cực tổ chức thu hồi nợ quá hạn, khó đòi. Đánh giá lại và điều chỉnh kết quả xếp loại khách hàng để hạn chế rủi ro công nợ phải thu khách hàng, đảm bảo khả năng cạnh tranh của công ty trên thị trường.

- Quản lý tốt doanh thu và chi phí đối với tòa nhà 189 Nguyễn Thị Minh Khai và 193 Đinh Tiên Hoàng. Phân đấu cho thuê hết phần diện tích còn lại của tòa nhà 193 Đinh Tiên Hoàng. Tiếp tục thực hiện và hoàn thành công tác kiểm toán công trình 193 Đinh Tiên Hoàng.

- Củng cố và kiện toàn bộ máy hoạt động một cách năng động và linh hoạt, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn trong từng bộ phận để đáp ứng kịp thời theo yêu cầu phát triển của công ty, đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động

- Duy trì thường xuyên các cuộc họp của Hội đồng quản trị để cùng bàn bạc, thảo luận các vấn đề quan trọng của công ty, nhằm đưa ra quyết định kịp thời cho hoạt động của Công ty; phân công các thành viên theo sát từng mảng hoạt động của công ty để nắm bắt và đưa ra quyết định phù hợp.

- Thực hiện các Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông một cách đầy đủ và triệt để.

- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi cao nhất cho cổ đông.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty CP Kim khí TP HCM hoạt động trong năm 2012 gồm 5 thành viên:

- Ông Bùi Văn Hùng : Chủ tịch Hội đồng quản trị – Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thép Việt Nam – đại diện sở hữu 4.676.228 cổ phần có quyền biểu quyết
- Ông Nguyễn Minh Xuân : Ủy viên Hội đồng quản trị – Tổng Giám đốc – Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thép Việt Nam, đại diện sở hữu 4.676.228 cổ phần có quyền biểu quyết, sở hữu 105.080 cổ phần có quyền biểu quyết
- Ông Đào Đình Đông : Ủy viên Hội đồng quản trị – Giám đốc Chi nhánh tại TP HCM – Tổng Công ty thép Việt Nam, đại diện sở hữu 2.238.114 cổ phần có quyền biểu quyết.
- Ông Lê Văn Hồng: Ủy viên Hội đồng quản trị – Độc lập không điều hành – Giám đốc Công ty TNHH Thép Thành Đô, sở hữu 800.000 cổ phần có quyền biểu quyết
- Ông Lê Xuân Cường : Ủy viên Hội đồng quản trị – Độc lập không điều hành – Giám đốc Công ty TNHH SX và TM Bắc Việt, sở hữu 800.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2012 Hội đồng quản trị đã tiến hành họp thường kì hàng quý và bất thường để xem xét, đánh giá và phê duyệt các vấn đề chủ yếu sau đây:

- Cuộc họp ngày 14/02/2012: phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2011 và giao đơn giá tiền lương năm 2012.
- Cuộc họp ngày 23/3/2012: quyết nghị và thông qua các báo cáo, tờ trình để thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012
- Cuộc họp ngày 24/3/2012: quyết nghị và thông qua việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty.
- Cuộc họp ngày 10/4/2012: quyết nghị và thông qua các nội dung đánh giá hoạt động quý 1 và mục tiêu trọng tâm quý 2/2012.
- Cuộc họp ngày 06/7/2012: quyết nghị và thông qua các nội dung đánh giá hoạt động 06 tháng đầu năm và mục tiêu trọng tâm 06 tháng cuối năm 2012; quyết nghị và thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012; quyết nghị và thông qua việc bổ nhiệm một Phó Phòng Kế hoạch Kinh doanh, giao Phó Phòng phụ trách Phòng Kế hoạch Kinh doanh và Phó Phòng phụ trách phòng Đầu tư phát triển.
- Cuộc họp ngày 12/7/2012: quyết nghị và thông qua việc ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định mức lương trả cho đội ngũ cán bộ quản lý Công ty.
- Cuộc họp ngày 01/10/2012: quyết nghị và thông qua việc bổ nhiệm 02 Phó Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh kim khí số 6.
- Cuộc họp ngày 19/10/2012: quyết nghị và thông qua các nội dung đánh giá hoạt động 9 tháng đầu năm và mục tiêu trọng tâm 03 tháng cuối năm; quyết nghị và thông qua việc điều chỉnh đơn giá tiền lương giao cho năm 2012.
- Cuộc họp ngày 05/12/2012: quyết nghị và thông qua việc điều chỉnh giảm giá thuê nhà 189 Nguyễn Thị Minh Khai đối với Công ty CP Giáo dục Anh văn Hội Việt Mỹ.
- Cuộc họp ngày 31/12/2012: quyết nghị và thông qua chủ trương xử lý khoản thù lao và phụ cấp của Người đại diện vốn công ty tại doanh nghiệp khác.

* Việc thực hiện các nội dung khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2012:

- Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

+ Trích Quỹ đầu tư phát triển:	30.047.136.823 đồng
+ Chia Cổ tức (tỷ lệ chi trả 22% bằng tiền mặt):	46.200.000.000 đồng
+ Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	200.000.000 đồng
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	5.600.921.433 đồng

Công ty đã hoàn tất việc chia cổ tức năm 2011 (tỷ lệ 22%) vào tháng 4/2012.

- Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký công ty theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị:	5.000.000 đồng
+ Thành viên Hội đồng quản trị:	4.000.000 đồng
+ Trưởng Ban kiểm soát:	4.000.000 đồng
+ Thành viên Ban kiểm soát:	3.000.000 đồng
+ Thư ký Công ty:	2.000.000 đồng

- Được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2012.

2. Ban kiểm soát:

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty CP Kim khí TP HCM hoạt động trong năm 2012 gồm 3 thành viên:

- Bà Hoàng Lê Ánh : Trưởng Ban kiểm soát, không nắm giữ cổ phần của công ty
- Ông Nguyễn Xuân Trường: Ủy viên Ban kiểm soát, nắm 2.310 cổ phần có quyền biểu quyết
- Ông Đậu Vũ Châu : Ủy viên Ban kiểm soát – thành viên độc lập, nắm 19.100 cổ phần có quyền biểu quyết.

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Phạm vi hoạt động của Ban kiểm soát:

- Xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong suốt niên độ, liên quan đến việc thực hiện các Kế hoạch hoạt động của Công ty năm 2012 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Xem xét đánh giá quá trình hoạt động kinh doanh, đầu tư nhằm phát hiện những thiếu sót hoặc rủi ro tiềm tàng để đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp đến Ban lãnh đạo.

- Kiểm tra, soát xét các báo cáo tài chính hàng Quý nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của các số liệu tài chính.

Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp (định kỳ 01 lần mỗi quý) để phân tích tình hình hoạt động của Công ty. Từng thành viên đã báo cáo kết quả giám sát đối với từng lĩnh vực cụ thể và các thành viên thống nhất đưa ra báo cáo của Ban kiểm soát cho mỗi quý về tình hình hoạt động của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích:

3.1 Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: triệu đồng/năm

Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Khác	Tổng cộng
Bùi Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	-	-	46	-	46
Nguyễn Minh Xuân	UV HĐQT, Tổng GĐ	351	14	45	-	410
Đào Đình Đông	UV HĐQT	-	-	37	-	37
Lê Văn Hồng	UV HĐQT	-	-	47	-	47
Lê Xuân Cường	UV HĐQT	-	-	47	-	47
Hoàng Lê Ánh	Trưởng Ban kiểm soát	-	-	37	-	37
Nguyễn Xuân Trường	UV Ban kiểm soát	125	10	31	-	166
Đậu Vũ Châu	UV Ban kiểm soát	-	-	32	-	32
Trương Bá Liêm	Phó Tổng Giám đốc	285	13	-	-	298
Phạm Thị Liên	Phó Tổng Giám đốc	273	10	-	-	283
Võ Thị Lệ Châu	Kế toán trưởng	237	14	-	-	251

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2012, ông Trương Bá Liêm – Phó Tổng Giám đốc công ty, đã mua 2.730 cổ phiếu HMC. Sau khi giao dịch, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của ông Liêm là 0,26%.

3.3 Hợp đồng với cổ đông nội bộ:

Trong năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng mua bán với các công ty do cổ đông nội bộ nắm quyền kiểm soát như sau:

- Hợp đồng 170/HĐKK-TĐ ngày 05/10/2012 với Công ty TNHH Thành Đô do ông Lê Văn Hồng – Ủy viên Hội đồng quản trị – làm Tổng Giám đốc
- Hợp đồng 198/HĐKK-TĐ ngày 20/11/2012 với Công ty TNHH Thành Đô
- Hợp đồng 208/HĐKK-TĐ ngày 08/12/2012 với Công ty TNHH Thành Đô
- Hợp đồng 72/HĐKK-BV ngày 29/3/2012 với Công ty TNHH SX và TM Bắc Việt do ông Lê Xuân Cường – Ủy viên Hội đồng quản trị – làm Tổng Giám đốc
- Hợp đồng 85/HĐKK-BV ngày 18/4/2012 với Công ty TNHH SX và TM Bắc Việt
- Hợp đồng 140/HĐKK-BV ngày 20/7/2012 với Công ty TNHH SX và TM Bắc Việt
- Hợp đồng 196/HĐKK-BV ngày 14/11/2012 với Công ty TNHH SX và TM Bắc Việt
- Hợp đồng 203/HĐKK-BV ngày 14/12/2012 với Công ty TNHH SX và TM Bắc Việt

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty;

Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán độc lập:

“Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Kim khí

Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 1 tháng 3 năm 2013, từ trang 3 đến trang 27.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán được phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2012 và đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến một số khoản công nợ phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 chưa có xác nhận nợ nhưng có cam kết trả thay của cán bộ công nhân viên trong công ty và nguyên giá tạm tính của hai công trình cao ốc 189 Nguyễn Thị Minh Khai và cao ốc 193 Đinh Tiên Hoàng có thể thay đổi do chưa có báo cáo kiểm toán quyết toán vốn xây dựng cơ bản.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như đã nêu tại Thuyết minh số 12 phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nguyên giá của các bất động sản đầu tư là công trình cao ốc HMC tại 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh đang được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và nguyên giá này có thể thay đổi khi báo cáo quyết toán vốn xây dựng cơ bản đã được kiểm toán và phê duyệt."

3. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (trình bày tại phụ lục kèm theo Báo cáo)

TP Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY CP KIM KHÍ TP HỒ CHÍ MINH

Tổng Giám đốc *Nguyễn Minh Xuân*



Nguyễn Minh Xuân

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 27



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Văn Hùng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2012)
Ông Nguyễn Minh Xuân	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2012)
Ông Đào Đình Đông	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2012)
Ông Nguyễn Minh Xuân	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2012)
Ông Lê Văn Hồng	Thành viên
Ông Lê Xuân Cường	Thành viên
Ông Mai Văn Bông	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2012)
Bà Phạm Thị Liên	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2012)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Minh Xuân	Tổng Giám đốc
Ông Trương Bá Liêm	Phó Tổng Giám đốc thứ nhất
Ông Mai Văn Bông	Phó Tổng Giám đốc thứ hai (nghỉ hưu từ ngày 1 tháng 7 năm 2012)
Bà Phạm Thị Liên	Phó Tổng Giám đốc thứ ba

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Minh Xuân
Tổng Giám đốc
Ngày 1 tháng 3 năm 2013

0100112
CHI
CỔ
TRÁCH N
ĐẠI
VIÊN

Số: 0231 / Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 1 tháng 3 năm 2013, từ trang 3 đến trang 27.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán được phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2012 và đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến một số khoản công nợ phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 chưa có xác nhận nợ nhưng có cam kết trả thay của cán bộ công nhân viên trong công ty và nguyên giá tạm tính của hai công trình cao ốc 189 Nguyễn Thị Minh Khai và cao ốc 193 Đinh Tiên Hoàng có thể thay đổi do chưa có báo cáo kiểm toán quyết toán vốn xây dựng cơ bản.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như đã nêu tại Thuyết minh số 12 phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nguyên giá của các bất động sản đầu tư là công trình cao ốc HMC tại 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh đang được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và nguyên giá này có thể thay đổi khi báo cáo quyết toán vốn xây dựng cơ bản đã được kiểm toán và phê duyệt.



Nguyễn Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 1 tháng 3 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Minh Thao
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1902/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**MẪU SỐ B 01-DN**
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		753.608.104.825	894.246.768.538
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	23.354.614.977	28.163.309.549
1. Tiền	111		18.354.614.977	15.663.309.549
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	12.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	4.370.000.000	6.785.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		23.000.000.000	23.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(18.630.000.000)	(16.215.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		342.410.036.921	396.528.387.465
1. Phải thu khách hàng	131	7	298.169.167.430	388.415.789.412
2. Trả trước cho người bán	132		44.026.047.933	6.083.224.831
3. Các khoản phải thu khác	135		3.728.070.362	2.029.373.222
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.513.248.804)	-
IV. Hàng tồn kho	140	8	373.997.970.509	444.175.346.826
1. Hàng tồn kho	141		391.686.274.092	444.175.346.826
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(17.688.303.583)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.475.482.418	18.594.724.698
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		239.810.534	132.761.905
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.468.078.871	2.462.405.701
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.767.593.013	15.999.557.092

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		284.701.897.199	304.504.150.329
I. Tài sản cố định	220		148.357.759.057	151.799.257.670
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	57.088.978.258	61.446.402.736
- Nguyên giá	222		83.065.665.576	81.845.150.324
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.976.687.318)	(20.398.747.588)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	84.341.620.282	84.341.620.282
- Nguyên giá	228		84.341.620.282	84.341.620.282
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	6.927.160.517	6.011.234.652
II. Bất động sản đầu tư	240	12	124.534.522.827	130.742.639.967
- Nguyên giá	241		141.623.274.876	141.623.274.876
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(17.088.752.049)	(10.880.634.909)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	3.986.445.187	14.076.617.047
1. Đầu tư dài hạn khác	258		16.575.360.000	16.575.360.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(12.588.914.813)	(2.498.742.953)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		7.823.170.128	7.885.635.645
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	7.249.170.128	7.361.635.645
2. Tài sản dài hạn khác	268		574.000.000	524.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		<u>1.038.310.002.024</u>	<u>1.198.750.918.867</u>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		696.938.219.754	853.885.301.423
I. Nợ ngắn hạn	310		649.897.058.228	799.732.369.684
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	456.902.956.464	529.995.226.558
2. Phải trả người bán	312	16	151.457.457.501	204.353.243.327
3. Người mua trả tiền trước	313		917.589.700	794.943.251
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	23.136.052.579	26.800.452.853
5. Phải trả người lao động	315		6.117.115.368	11.329.141.565
6. Chi phí phải trả	316		2.651.671.519	4.381.970.198
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	6.179.102.987	21.755.401.589
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.535.112.110	321.990.343
II. Nợ dài hạn	330		47.041.161.526	54.152.931.739
1. Phải trả dài hạn khác	333	19	16.356.909.053	14.043.752.526
2. Vay và nợ dài hạn	334	20	30.164.999.999	39.944.999.999
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	164.179.214
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		519.252.474	-
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		341.371.782.270	344.865.617.444
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	341.371.782.270	344.865.617.444
1. Vốn điều lệ	411		210.000.000.000	210.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.225.230.000	37.225.230.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(114.745.662)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		63.135.978.269	33.088.841.446
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		769.715.376	769.715.376
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.173.466.830	973.466.830
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		29.067.391.795	62.923.109.454
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.038.310.002.024	1.198.750.918.867

[Handwritten signature]

Tô Hải Dung
 Người lập biểu

[Handwritten signature]

Võ Thị Lệ Châu
 Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Xuân
 Tổng Giám đốc
 Ngày 1 tháng 3 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

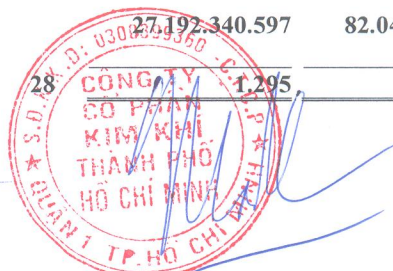
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.311.060.931.952	6.333.569.612.405
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		248.740.012	406.480.663
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	4.310.812.191.940	6.333.163.131.742
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	4.171.329.127.740	6.157.775.301.260
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		139.483.064.200	175.387.830.482
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	30.536.199.989	103.723.687.681
7. Chi phí tài chính	22	26	89.592.573.606	107.396.530.547
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		71.780.799.009	72.208.696.774
8. Chi phí bán hàng	24		34.192.100.096	47.031.279.357
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.593.324.577	20.409.764.807
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		29.641.265.910	104.273.943.452
11. Thu nhập khác	31		1.918.418.179	1.268.886.759
12. Chi phí khác	32		13.611.438	2.903.150.341
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.904.806.741	(1.634.263.582)
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		31.546.072.651	102.639.679.870
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	4.353.732.054	20.350.295.378
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	241.326.236
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		27.192.340.597	82.048.058.256
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.295	3.907


Tô Hải Dung
Người lập biểu

Võ Thị Lệ Châu
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Xuân
Tổng Giám đốc
Ngày 1 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	31.546.072.651	102.639.679.870
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.786.056.870	12.805.881.421
Các khoản dự phòng	03	33.706.724.247	11.928.742.953
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.633.504.769)	(2.667.578.931)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.710.028.047)	(83.003.592.192)
Chi phí lãi vay	06	71.780.799.009	72.208.696.774
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	144.476.119.961	113.911.829.895
Thay đổi các khoản phải thu	09	49.584.005.098	(127.397.199.359)
Thay đổi hàng tồn kho	10	52.489.072.734	(24.233.729.518)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(48.536.059.660)	(4.845.902.177)
Thay đổi chi phí trả trước	12	5.416.888	956.189.127
Tiền lãi vay đã trả	13	(72.867.588.400)	(70.880.115.166)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.894.488.450)	(20.352.727.564)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.313.156.527	27.632.345.538
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.437.799.666)	(25.418.355.820)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	119.131.835.032	(130.627.665.044)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.392.497.630)	(20.417.074.532)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	144.090.909
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(269.660.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	12.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.725.451.519	82.850.918.257
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(667.046.111)	74.808.274.634
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.952.140.618.649	3.315.299.149.239
Chi trả nợ gốc vay	34	(3.035.334.810.166)	(3.239.215.679.626)
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(40.086.839.000)	(46.249.573.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(123.281.030.517)	29.833.896.113
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(4.816.241.596)	(25.985.494.297)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	28.163.309.549	54.149.414.669
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	7.547.024	(610.823)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	23.354.614.977	28.163.309.549

[Signature]

Tô Hải Dung
Người lập biểu

[Signature]

Võ Thị Lệ Châu
Kế toán trưởng



[Signature]
Nguyễn Minh Xuân
Tổng Giám đốc
Ngày 1 tháng 3 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004193 ngày 27 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần gần nhất ngày 6 tháng 6 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28 tháng 11 năm 2006 với mã số chứng khoán là HMC.

Cổ đông lớn và là Công ty Mẹ của Công ty là Tổng Công ty Thép Việt Nam, chiếm tỉ lệ sở hữu 55,7% vốn điều lệ tương đương với quyền biểu quyết.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 188 người (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 201 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán kim khí, nông lâm hải sản, vật tư thứ liệu, phế liệu, thủ công mỹ nghệ, khoáng sản, sản phẩm kim loại và các loại vật tư khác, gỗ và các sản phẩm về gỗ; sản xuất, gia công sản phẩm kim khí và các hoạt động phục vụ kinh doanh; kinh doanh khách sạn; kinh doanh lĩnh vực nội địa và quốc tế; đại lý kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn, mỡ máy; dịch vụ cho thuê kho bãi, văn phòng, nhà ở; kinh doanh bất động sản; buôn bán xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; vận tải hành khách ven biển và viễn dương, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa; sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; phá hủy tàu; mua bán máy móc thiết bị; vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá vốn hàng mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho có giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	8 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	4 - 6
Tài sản cố định khác	10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và được trình bày theo nguyên giá. Công ty không trích khấu hao quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà xưởng và thiết bị (theo nhà xưởng) do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được bất động sản đầu tư. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bất động sản đầu tư bao gồm chi phí xây dựng và thiết bị được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính lần lượt là từ 30 năm tới 34 năm và 8 năm tới 12 năm.

500
NHÀ
NG T
HIỆM
OIT
T N
P. H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các quỹ

Quỹ Đầu tư Phát triển, Quỹ Dự phòng Tài chính và Quỹ khác được trích lập hàng năm từ lợi nhuận sau thuế theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

002
H
Y
U
T
E
M
C
S

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.550.077.735	4.629.439.312
Tiền gửi ngân hàng	16.804.537.242	11.033.870.237
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	12.500.000.000
	<u>23.354.614.977</u>	<u>28.163.309.549</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại có thời hạn 1 tháng với lãi suất 6% một năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn thể hiện khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần thép Nhà Bè với số lượng 1.150.000 cổ phiếu, chiếm 11,5% trong tổng vốn điều lệ.

Dự phòng giảm giá đầu tư thể hiện khoản giảm giá của khoản đầu tư nêu trên và được trích lập trên cơ sở giá trị ghi sổ cao hơn giá giao dịch bình quân trên thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 32)	65.368.159.058	149.992.527.819
Phải thu bên thứ ba	232.801.008.372	238.423.261.593
	<u>298.169.167.430</u>	<u>388.415.789.412</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	44.330.248.939	10.689.684.823
Nguyên vật liệu	92.833.027	131.946.628
Công cụ, dụng cụ	7.630.000	-
Hàng hoá	347.255.562.126	433.353.715.375
	<u>391.686.274.092</u>	<u>444.175.346.826</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(17.688.303.583)	-
	<u>373.997.970.509</u>	<u>444.175.346.826</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp một phần giá trị hàng hóa tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 để đảm bảo các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tài sản cố định khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2012	52.458.378.502	23.860.682.515	370.483.449	4.082.835.027	1.072.770.831	81.845.150.324
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.070.799.352	149.715.900	-	-	1.220.515.252
Tại ngày 31/12/2012	<u>52.458.378.502</u>	<u>24.931.481.867</u>	<u>520.199.349</u>	<u>4.082.835.027</u>	<u>1.072.770.831</u>	<u>83.065.665.576</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2012	11.507.053.972	5.472.029.823	175.582.612	2.905.429.045	338.652.136	20.398.747.588
Khấu hao trong năm	2.858.506.608	2.306.447.610	80.248.094	225.460.334	107.277.084	5.577.939.730
Tại ngày 31/12/2012	<u>14.365.560.580</u>	<u>7.778.477.433</u>	<u>255.830.706</u>	<u>3.130.889.379</u>	<u>445.929.220</u>	<u>25.976.687.318</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2012	<u>38.092.817.922</u>	<u>17.153.004.434</u>	<u>264.368.643</u>	<u>951.945.648</u>	<u>626.841.611</u>	<u>57.088.978.258</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>40.951.324.530</u>	<u>18.388.652.692</u>	<u>194.900.837</u>	<u>1.177.405.982</u>	<u>734.118.695</u>	<u>61.446.402.736</u>

Nguyên giá nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và dụng cụ quản lý của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng với nguyên giá là 6.569.740.693 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 6.221.941.153 đồng).

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất khu đất 9.121,2 m² tại Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã được cấp Giấy chứng nhận sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao theo quy định hiện hành.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Mua tài sản cố định	-	9.839.000
Xây dựng cơ bản dở dang	6.695.658.617	6.001.395.652
Trong đó:		
- Dự án số 5 Quốc Hương, Thảo Điền, Quận 2	693.472.727	323.636.363
- Dự án nhà xưởng kho Linh Trung	5.051.698.982	4.727.272.381
- Dự án chung cư Phú Thuận	863.946.364	863.946.364
- Dự án cao ốc 193 Đinh Tiên Hoàng	231.501.900	-
- Dự án quy hoạch kho Linh Trung	86.540.544	86.540.544
	<u>6.927.160.517</u>	<u>6.011.234.652</u>

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà xưởng VNĐ	Thiết bị VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2012 và ngày 31/12/2012	<u>114.712.616.640</u>	<u>26.910.658.236</u>	<u>141.623.274.876</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2012	6.073.268.130	4.807.366.779	10.880.634.909
Khấu hao trong năm	3.531.824.818	2.676.292.322	6.208.117.140
Tại ngày 31/12/2012	<u>9.605.092.948</u>	<u>7.483.659.101</u>	<u>17.088.752.049</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	<u>105.107.523.692</u>	<u>19.426.999.135</u>	<u>124.534.522.827</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>108.639.348.510</u>	<u>22.103.291.457</u>	<u>130.742.639.967</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị nhà xưởng và thiết bị của hai tòa nhà tại 189 Nguyễn Thị Minh Khai và 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị tòa nhà tại 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 89.992.885.583 đồng) hiện chưa thực hiện việc kiểm toán báo cáo quyết toán công trình xây dựng cơ bản và đang được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh. Theo đó, nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị công trình theo kết quả kiểm toán và giá trị bất động sản đang ghi nhận sẽ không có chênh lệch trọng yếu.

Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý do Công ty có ý định nắm giữ các bất động sản lâu dài và Công ty cũng chưa thuê công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp toàn bộ bất động sản đầu tư để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thép Tấm Lá Thống Nhất với số lượng 1.400.000 cổ phần, chiếm 7% trong tổng vốn cổ phần và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với số lượng 161.796 cổ phiếu, chiếm 0,006% trong tổng vốn cổ phần.

Dự phòng giảm giá đầu tư thể hiện khoản giảm giá của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thép Tấm Lá Thống Nhất và được trích lập trên cơ sở vốn góp thực tế của Công ty tại Công ty Cổ phần Thép Tấm Lá Thống Nhất lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có Công ty được hưởng tương ứng với phần tỷ lệ sở hữu.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Tiền thuê đất Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc	6.568.464.742	6.758.855.026
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng	516.863.006	121.895.272
Chi phí khác	163.842.380	480.885.347
	7.249.170.128	7.361.635.645

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Vay ngắn hạn	447.122.956.464	520.215.226.558
<i>Trong đó:</i>		
- Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	280.278.133.205	245.428.373.963
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7.507.608.381	158.518.192.245
- Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	64.623.180.860	36.428.946.817
- Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	21.429.786.576	-
- Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	12.307.767.775
- Vay Ngân hàng TMCP An Bình	58.427.424.076	67.531.945.758
- Vay Ngân hàng TNHH Indovina	14.856.823.366	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	9.780.000.000	9.780.000.000
	456.902.956.464	529.995.226.558

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với hạn mức 500.000.000.000 đồng có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ và đáo hạn vào ngày 30 tháng 4 năm 2013. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất theo thông báo của ngân hàng. Lãi vay được trả hàng tháng phụ thuộc vào ngày giải ngân.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với hạn mức 300.000.000.000 đồng có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ và đáo hạn vào ngày 26 tháng 9 năm 2013. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hóa tồn kho luân chuyển trong hoạt động kinh doanh kim khí, sản xuất và gia công sản phẩm kim khí và chịu lãi suất theo thông báo của ngân hàng. Lãi vay được trả hàng tháng phụ thuộc vào ngày giải ngân.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam với hạn mức 5.900.000 Đô la Mỹ, có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ và đáo hạn vào ngày 1 tháng 3 năm 2013. Khoản vay này được đảm bảo bằng một phần khoản phải thu cùng hàng hóa tồn kho luân chuyển trong hoạt động kinh doanh, sản xuất và gia công sản phẩm kim khí. Khoản vay chịu lãi suất theo thông báo của ngân hàng. Lãi vay sẽ được trả hàng tháng phụ thuộc vào ngày giải ngân.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam với hạn mức 150.000.000.000 đồng có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ và đáo hạn vào ngày 24 tháng 4 năm 2013. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất theo thông báo của ngân hàng. Lãi vay được trả hàng tháng phụ thuộc vào ngày giải ngân.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP An Bình - Sở giao dịch với hạn mức 100.000.000.000 đồng có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ và đáo hạn vào ngày 18 tháng 11 năm 2013. Khoản vay này chịu lãi suất theo thông báo của ngân hàng và được đảm bảo bằng hàng hóa tồn kho luân chuyển trong hoạt động kinh doanh kim khí, sản xuất và gia công sản phẩm kim khí với tổng giá trị tối thiểu 125% dư nợ vay tại mọi thời điểm. Lãi vay được trả hàng tháng phụ thuộc vào ngày giải ngân.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Indovina dưới hình thức tín chấp với hạn mức là 30.000.000.000 đồng, có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ khác và thanh toán trong vòng 180 ngày cho mỗi lần rút vốn kể từ ngày rút vốn. Khoản vay này đáo hạn vào ngày 22 tháng 4 năm 2013. Lãi vay được trả hàng tháng vào ngày cuối tháng.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Phải trả cho các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 32)	25.458.263.616	109.491.687.530
Phải trả cho bên thứ ba	125.999.193.885	94.861.555.797
	151.457.457.501	204.353.243.327

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	21.646.998.280	24.293.097.335
Thuế xuất, nhập khẩu	-	65.082.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.182.233.452	1.722.989.848
Thuế thu nhập cá nhân	62.820.847	441.212.070
Thuế nhà đất	244.000.000	278.071.200
	23.136.052.579	26.800.452.853

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Bảo hiểm xã hội	146.924.536	169.816.390
Phải trả cổ tức	35.887.000	14.922.726.000
Phải trả khác	5.996.291.451	6.662.859.199
	<u>6.179.102.987</u>	<u>21.755.401.589</u>

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác thể hiện các khoản tiền nhận ký quỹ dài hạn của khách hàng thuê văn phòng tại tòa nhà 189 Nguyễn Thị Minh Khai và 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

20. VAY DÀI HẠN

Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có hai hợp đồng vay dài hạn như sau:

Tại ngày 23 tháng 9 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Sở Giao dịch 2 với hạn mức 71.500.000.000 đồng. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 10 tháng 3 năm 2011 đến ngày 10 tháng 12 năm 2016. Khoản vay chịu lãi suất theo thông báo của ngân hàng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là công trình xây dựng trên đất thuộc dự án đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng tại 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư khoản vay với tổng số tiền 25.920.000.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 32.400.000.000 đồng).

Tại ngày 7 tháng 1 năm 2009, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Sở Giao dịch 2 với hạn mức 42.240.000.000 đồng. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 10 tháng 9 năm 2010 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017. Khoản vay chịu lãi suất theo thông báo của ngân hàng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là công trình tòa nhà văn phòng 189 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư khoản vay với tổng số tiền 14.024.999.999 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 17.324.999.999 đồng).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	9.780.000.000	9.780.000.000
Trong năm thứ hai	9.780.000.000	9.780.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	20.384.999.999	29.340.000.000
Sau năm năm	-	824.999.999
	<u>39.944.999.999</u>	<u>49.724.999.999</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn-Thuyết minh số 15)	<u>(9.780.000.000)</u>	<u>(9.780.000.000)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>30.164.999.999</u>	<u>39.944.999.999</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Được phép phát hành và đã góp vốn đủ		
Số lượng (cổ phần)	21.000.000	21.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>210.000.000.000</u>	<u>210.000.000.000</u>

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 đồng, tương đương 21.000.000 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn điều lệ đã được góp đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	<u>Tỉ lệ %</u>	<u>Vốn đã góp VND</u>
Tổng Công ty thép Việt Nam	55,7	116.905.700.000
Các cổ đông khác	44,3	93.094.300.000
	<u>100</u>	<u>210.000.000.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

0-002
 ANH
 TY
 HỮU
 ITTE
 NAM
 HỒ C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thay đổi của vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2011	210.000.000.000	37.225.230.000	5.458.790.011	27.996.335.228	769.715.376	773.466.830	20.263.191.742	302.486.729.187
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	82.048.058.256	82.048.058.256
Cổ tức được công bố	-	-	-	-	-	-	(31.500.000.000)	(31.500.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	5.092.506.218	-	200.000.000	(5.292.506.218)	-
Phân phối quỹ KTPL	-	-	-	-	-	-	(2.595.634.326)	(2.595.634.326)
Giảm khác	-	-	(5.573.535.673)	-	-	-	-	(5.573.535.673)
Số dư tại ngày 31/12/2011	210.000.000.000	37.225.230.000	(114.745.662)	33.088.841.446	769.715.376	973.466.830	62.923.109.454	344.865.617.444
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	27.192.340.597	27.192.340.597
Cổ tức được công bố	-	-	-	-	-	-	(25.200.000.000)	(25.200.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	30.047.136.823	-	200.000.000	(30.247.136.823)	-
Phân phối quỹ KTPL	-	-	-	-	-	-	(5.600.921.433)	(5.600.921.433)
Tăng khác	-	-	114.745.662	-	-	-	-	114.745.662
Số dư tại ngày 31/12/2012	210.000.000.000	37.225.230.000	-	63.135.978.269	769.715.376	1.173.466.830	29.067.391.795	341.371.782.270

Ngày 24 tháng 3 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã thông qua Nghị quyết về phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2011 của Công ty, theo đó phương án trả cổ tức bằng tiền mặt cho cả năm 2011 là 22% trên mệnh giá, trong đó 10% cổ tức này đã được Công ty công bố và trả trong năm 2011, 12% phần cổ tức còn lại được chi trả trong năm 2012.

Các khoản tăng vốn khác của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm là các khoản phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm kinh doanh mua bán kim khí, phế liệu và sản phẩm kim loại. Hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi, văn phòng và kinh doanh bất động sản chiếm tỷ trọng không trọng yếu trong tổng doanh thu của Công ty. Công ty cũng chưa tổ chức cơ cấu theo các bộ phận. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh chính được trình bày ở Thuyết minh số 23 và số 24 phần thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012 <u>VNĐ</u>	2011 <u>VNĐ</u>
Doanh thu bán hàng	4.266.639.349.877	6.292.257.772.442
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.421.582.075	41.311.839.963
	<u>4.311.060.931.952</u>	<u>6.333.569.612.405</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(248.740.012)	(406.480.663)
	<u>4.310.812.191.940</u>	<u>6.333.163.131.742</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2012 <u>VNĐ</u>	2011 <u>VNĐ</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.160.787.596.630	6.146.560.928.077
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.541.531.110	11.214.373.183
	<u>4.171.329.127.740</u>	<u>6.157.775.301.260</u>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 <u>VNĐ</u>	2011 <u>VNĐ</u>
Lãi tiền gửi	2.250.033.547	4.547.920.150
Cổ tức, lợi nhuận được chia	459.994.500	1.676.605.010
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.647.446.334	2.893.062.459
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.493.322.095	17.964.283.493
Lãi do khách hàng thanh toán chậm	21.685.403.513	26.641.816.569
Lãi do chuyển nhượng quyền góp vốn	-	50.000.000.000
	<u>30.536.199.989</u>	<u>103.723.687.681</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2012	2011
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	71.780.799.009	72.208.696.774
Lãi do thanh toán chậm cho nhà cung cấp	11.751.589	6.840.446
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.394.541	225.483.528
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.166.457.702	15.755.077.425
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	12.505.171.860	11.928.742.953
Chi phí tài chính khác	121.998.905	7.271.689.421
	89.592.573.606	107.396.530.547

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2012	2011
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	31.546.072.651	102.639.679.870
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(459.994.500)	(1.676.605.010)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	205.500.000	3.014.019.724
Thu nhập chịu thuế	31.291.578.151	103.977.094.584
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế đối với hoạt động chính được giảm thuế suất 50%	27.753.299.873	53.977.094.584
Thu nhập chịu thuế khác áp dụng thuế suất 25%	3.538.278.278	50.000.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.353.732.054	19.247.136.823
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	1.103.158.555
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.353.732.054	20.350.295.378

Theo Công văn số 1257/CT-TKN ngày 1 tháng 2 năm 2007 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do niêm yết chứng khoán, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2006) và được giảm 50% trong năm tiếp theo. Các khoản thu nhập chịu thuế từ hoạt động khác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Do đó, không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận trong năm.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2012	2011
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	27.192.340.597	82.048.058.256
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.192.340.597	82.048.058.256
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.000.000	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.295	3.907

01/12/2012
CHI
CÔNG
ÁCH NH
DEL
VIỆ
 7 - TI

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 7 tháng 12 năm 2012, Công ty phải nộp bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) với số tiền là 6.747.136.823 đồng do Công ty kê khai hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ việc niêm yết chứng khoán chưa đúng hướng dẫn của Công văn số 2924/TCT-PC ngày 19 tháng 8 năm 2011 của Tổng cục Thuế. Công ty chưa ghi nhận khoản thuế phải nộp bổ sung này vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 vì Công ty đã làm Công văn giải trình chi tiết gửi Tổng cục thuế xem xét và giải quyết ưu đãi thuế do niêm yết chứng khoán của Công ty. Tại ngày lập báo cáo tài chính này Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi từ Tổng cục Thuế.

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>1.365.134.494</u>	<u>1.365.134.494</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	1.459.084.320	1.365.134.494
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	5.836.337.280	5.460.537.974
Sau năm năm	35.018.023.680	33.995.957.918
	<u>42.313.445.280</u>	<u>40.821.630.386</u>

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tiền thuê đất với tiền thuê hàng năm từ 9.917.430 đồng đến 576.536.400 đồng với thời hạn từ 24 năm tới 50 năm.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ đầu tư và phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	487.067.956.463	569.940.226.557
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	23.354.614.977	28.163.309.549
Nợ thuần	463.713.341.486	541.776.917.008
Vốn chủ sở hữu	341.371.782.270	344.865.617.444
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>136%</u>	<u>157%</u>

00-06
HÀNH
G TY
EM HỮ
DIT
NAP
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.354.614.977	28.163.309.549
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.370.000.000	6.785.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	298.383.988.988	390.445.162.634
Đầu tư tài chính dài hạn	3.986.445.187	14.076.617.047
Ký quỹ dài hạn	574.000.000	524.000.000
Tổng	330.669.049.152	439.994.089.230
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	487.067.956.463	569.940.226.557
Phải trả người bán và phải trả khác	173.993.469.541	240.152.397.442
Chi phí phải trả	2.651.671.519	4.381.970.198
Tổng	663.713.097.523	814.474.594.197

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá cổ phiếu và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Đô la Mỹ (USD)	29.162.896	16.898.590	246.847.187.695	196.797.298.615
Euro (EUR)	5.518.274	5.502.048	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ và Đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2012	2011
	VNĐ	VNĐ
Đô la Mỹ (USD)	24.681.802.480	19.678.040.003
Euro (EUR)	<u>(551.827)</u>	<u>(550.205)</u>

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm/tăng 855.189.841 đồng (năm 2011: 1.561.999.691 đồng).

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VNĐ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VNĐ	+200	(855.189.841)
VNĐ	<u>-200</u>	<u>855.189.841</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011		
VNĐ	+200	(1.561.999.691)
VNĐ	<u>-200</u>	<u>1.561.999.691</u>

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Nếu giá cổ phiếu đầu tư giảm 10% trong khi tất cả các chỉ số khác không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm 437.000.000 đồng.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông đã góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.354.614.977	-	23.354.614.977
Đầu tư tài chính	4.370.000.000	3.986.445.187	8.356.445.187
Phải thu khách hàng và phải thu khác	298.383.988.988	-	298.383.988.988
Các khoản ký quỹ	-	574.000.000	574.000.000
	326.108.603.965	4.560.445.187	330.669.049.152
Các khoản vay	456.902.956.464	30.164.999.999	487.067.956.463
Phải trả người bán và phải trả khác	157.636.560.488	16.356.909.053	173.993.469.541
Chi phí phải trả	2.651.671.519	-	2.651.671.519
	617.191.188.471	46.521.909.052	663.713.097.523
Chênh lệch thanh khoản thuần	(291.082.584.506)	(41.961.463.865)	(333.044.048.371)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.163.309.549	-	28.163.309.549
Đầu tư tài chính	6.785.000.000	14.076.617.047	20.861.617.047
Phải thu khách hàng và phải thu khác	390.445.162.634	-	390.445.162.634
Các khoản ký quỹ	-	524.000.000	524.000.000
	425.393.472.183	14.600.617.047	439.994.089.230
Các khoản vay	529.995.226.558	39.944.999.999	569.940.226.557
Phải trả người bán và phải trả khác	226.108.644.916	14.043.752.526	240.152.397.442
Chi phí phải trả	4.381.970.198	-	4.381.970.198
	760.485.841.672	53.988.752.525	814.474.594.197
Chênh lệch thanh khoản thuần	(335.092.369.489)	(39.388.135.478)	(374.480.504.967)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2012 <u>VNĐ</u>	2011 <u>VNĐ</u>
Bán hàng		
Bán hàng cho Tổng Công ty Thép Việt Nam	154.691.667.100	888.333.827.600
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	616.264.227.900	608.323.546.610
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	552.686.088.830	695.316.144.500
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	745.362.000	4.350.174.200
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội	5.799.833.660	10.948.602.960
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thép Tấm Lá Thống Nhất	-	209.898.741.998
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thép Tây Đô	-	33.460.424.000
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim	996.778.000	-
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Lưới Thép Bình Tây	19.460.601.184	4.058.875.901
	<hr/>	<hr/>
Mua hàng		
Mua hàng từ Tổng Công ty Thép Việt Nam	96.331.702.615	165.170.434.276
Mua hàng từ Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	21.277.711.380	85.942.000.000
Mua hàng từ Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	7.595.402.500	7.096.786.200
Mua hàng từ Công ty Thép Vina Kyoei	360.297.688.070	26.607.196.720
	<hr/>	<hr/>

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2012 <u>VNĐ</u>	2011 <u>VNĐ</u>
Lương và các thu nhập khác	2.058.730.881	2.995.745.589
	<hr/>	<hr/>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012 <u>VNĐ</u>	31/12/2011 <u>VNĐ</u>
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Thép Việt Nam	1.428.680.000	8.514.820.820
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	6.710.376.200	53.702.547.250
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	4.119.464.045	24.072.676.729
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	-	79.655.400
Công ty Cổ phần Thép Tấm Lá Thống Nhất	50.659.033.380	56.426.880.620
Công ty Cổ phần Lưới Thép Bình Tây	2.450.605.433	-
Công ty TNHH Thép Tây Đô	-	7.195.947.000
	<hr/>	<hr/>
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty Thép Việt Nam	8.368.172.395	38.191.906.324
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	2.360.241.598	52.561.060.750
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	77.164.010	617.243.000
Công ty Thép Vina Kyoei	14.652.685.613	18.121.477.456
	<hr/>	<hr/>



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***33. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

	31/12/2011 <u>VNĐ</u> (Sau phân loại)	31/12/2011 <u>VNĐ</u> (Trước phân loại)	Thay đổi thuần <u>VNĐ</u>
Phải thu khách hàng	388.415.789.412	360.172.494.618	28.243.294.794
Trả trước cho người bán	6.083.224.831	15.740.512.349	(9.657.287.518)
Các khoản phải thu khác	2.029.373.222	29.065.261.202	(27.035.887.980)
Hàng tồn kho	444.175.346.826	434.518.059.308	9.657.287.518
Phải thu dài hạn khác	-	524.000.000	(524.000.000)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.011.234.652	7.218.641.466	(1.207.406.814)
Tài sản dài hạn khác	524.000.000	-	524.000.000
Vay và nợ ngắn hạn	529.995.226.558	520.215.226.558	9.780.000.000
Phải trả người bán	204.353.243.327	204.977.511.358	(624.268.031)
Chi phí phải trả	4.381.970.198	3.757.702.167	624.268.031
Vay và nợ dài hạn	39.944.999.999	49.724.999.999	(9.780.000.000)
	2011 <u>VNĐ</u> (Sau phân loại)	2011 <u>VNĐ</u> (Trước phân loại)	Thay đổi thuần <u>VNĐ</u>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	6.157.775.301.260	6.154.905.802.686	2.869.498.574
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.409.764.807	23.279.263.381	(2.869.498.574)



Tô Hải Dung
Người lập biểu




Võ Thị Lệ Châu
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Xuân
Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 3 năm 2013

